

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẨM TÚ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẨM TÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH ĐTXD CẨM TÚ

2. Mã số doanh nghiệp: 3801290169

3. Ngày thành lập: 15/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Quốc lộ 14, khu phố Hiếu Cẩm, Phường Hưng Long, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0355992922

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt khung nhà tiền chế, nhà kèo thép, vì kèo thép, kèo zamil (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại) - Lắp đặt hệ thống cửa, khung cửa, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa khác làm từ nhôm, uPVC và các vật liệu khác; thi công trần thạch cao	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633

18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
30.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
31.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
32.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
33.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
34.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
35.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
36.	Hoạt động thể thao khác	9319
37.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
38.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
39.	Hoạt động của công đoàn	9420
40.	Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu	9499
41.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
42.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
43.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
44.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
45.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán	6612
46.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
47.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
48.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế	6920
49.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
50.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

51.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi - thủy điện - Giám sát công tác lắp đặt phân điện và thiết bị điện công trình dân dụng, công nghiệp	7110(Chính)
52.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
53.	Cho thuê xe có động cơ	7710
54.	Bán buôn tổng hợp	4690
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
56.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
60.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
61.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
62.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
63.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
64.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
65.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
66.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
67.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
68.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
69.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
70.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
72.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
73.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
74.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
75.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
76.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
83.	Cơ sở lưu trú khác	5590
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
86.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
87.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
88.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
89.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
90.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
91.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
92.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
93.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
94.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
95.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
96.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
97.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
98.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
99.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
100.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
101.	Thu gom rác thải độc hại	3812
102.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
103.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
104.	Tái chế phế liệu	3830
105.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
106.	Xây dựng nhà để ở	4101
107.	Xây dựng nhà không để ở	4102
108.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
109.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
110.	Xây dựng công trình điện	4221
111.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
112.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

113.	Phá dỡ	4311
114.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
115.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
116.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
117.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
118.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ kính phẳng loại dùng làm tường ngăn, vách ngăn, cửa sổ, cửa ra vào; bán lẻ xi măng, gạch, ngói, gạch ốp lát và các vật liệu khác trong xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4752
119.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
120.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
121.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
122.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀO THỊ LỆ QUYÊN	Việt Nam	Tổ 8, khu phố Trung Lợi, Phường Hưng Long, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	070183001182	
2	NGUYỄN PHƯỚC THÀNH NHÂN	Việt Nam	Tổ 4, Ấp 2, Xã Lộc Điền, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2.000.000.000	40,000	070086007959	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO THỊ LỆ QUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/06/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070183001182

Ngày cấp: 18/07/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, khu phố Trung Lợi, Phường Hưng Long, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, khu phố Trung Lợi, Phường Hưng Long, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước